

Ông Dương Vũ H1 vắng nhưng uỷ quyền cho bà Nguyễn H Như L (vợ ông H1), có mặt.

Nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình H thường thuê xe ô tô của nhiều người trên địa bàn thành phố B để sử dụng. Trong thời gian từ tháng 02/2011 đến tháng 6/2011, sau khi thuê được xe ô tô, do cần tiền để tiêu xài cá nhân và trả nợ, H đã cầm cố xe ô tô cho người khác để vay tiền, rồi bỏ trốn để chiếm đoạt xe ô tô, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: H quen biết với bà Vũ Thị M do đã nhiều lần thuê xe ô tô của bà M; Ngày 25/02/2011, H đến nhà bà M tại số nhà 11 đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ký hợp đồng với bà M thuê chiếc xe ô tô biển số 47T-6996, hiệu Chevolet-Captiva, loại 05 chỗ ngồi của bà M, với giá thuê 20.000.000đ/tháng; thời hạn thuê xe 01 tháng. Sau khi thuê được xe ô tô, do cần tiền để trả nợ và tiêu xài, ngày 26/02/2011, H điều khiển xe đến nhà ông Phạm H K tại tỉnh Đắk Lắk cầm cố xe ô tô cho ông K và vay ông K 1 10.000.000đ; ông K hỏi về nguồn gốc chiếc xe ô tô, thì H nói là xe của. H mua của bà M nhưng chưa sang tên; Đến hạn thanh toán tiền thuê xe và trả xe cho bà M, H đến gặp ông K trả tiền lãi suất và nói dối với ông K cho mượn lại xe để bảo dưỡng; H mang xe về cho bà M kiểm tra và tiếp tục thuê xe; Sau đó, H mang xe giao lại cho ông K, rồi bỏ trốn. Hiện tại, H còn nợ ông K 110.000.000đ tiền nợ gốc và 10.000.000đ tiền lãi suất.

Lần thứ hai: H quen biết với ông Dương Vũ H1 do đã nhiều lần thuê xe ô tô của ông H1; Ngày 01/6/2011, H đến nhà ông H1 tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ký hợp đồng với ông H1, thuê , chiếc xe ô tô biển số 47L-7881, hiệu Toyota-Innova G, với giá thuê 800.000đ/ngày; thời hạn thuê xe 10 ngày (xe ô tô này, ông H1 nhờ em họ là Lê Tấn A đứng tên chủ sở hữu); Những ngày đầu thuê xe, H trả tiền thuê xe đầy đủ; Đến giữa tháng 6/2011, do cần tiền tiêu xài và trả nợ, H điều khiển xe đến quán S tại Km6, Quốc lộ 26 thuộc tỉnh Đắk Lắk cầm cố xe cho một người phụ nữ tên là H2 (chưa xác định được nhân thân) và vay 80.000.000đ; Sau đó, H bỏ trốn.

Lần thứ ba: Ngày 07/6/2011, H tiếp tục đến nhà ông H1 ký hợp đồng với ông H1, thuê chiếc xe ô tô biển số 47T-7881, hiệu Toyota-Innova, với giá thuê 800.000đ/ngày; thời hạn thuê xe 15 ngày (xe ô tô này, ông H1 nhờ em họ là Lê Tấn A đứng tên chủ sở hữu); Ngày 08/6/2011, H điều khiển xe đến khách sạn Mai A, đường L, thành phố B, cầm cố xe ô tô cho bà Trà Thị Thu H và vay bà H 130.000.000đ; Sau đó, H bỏ trốn; Hiện tại H chưa trả cho bà H số tiền đã vay.

Lần thứ tư: Do quen biết với Ông Từ Huy H, đầu tháng 6/2011, H đến nhà ông H tại số nhà 177/4 đường W, thành phố B, thuê ông H chiếc xe ô tô biển số 53S-3154, hiệu Ford, loại 15 chỗ ngồi, với giá thuê 500.000đ/ngày; Sau khi thuê xe, H đã thanh toán tiền thuê cho ông H hai lần, tổng cộng 10.000.000đ; Ngày

25/6/2011, H điều khiển xe đến nhà bà Đỗ Kim D tại Tổ 7, khối 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cầm cố xe ô tô cho bà D và vay bà D 46.000.000đ; Sau đó, H bỏ trốn.

Sau khi bị cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Đắk Lắk khởi tố bị can về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và truy nã, ngày 25/5/2019, Nguyễn Đình H đến cơ quan điều tra đầu thú.

Bản kết luận định giá tài sản số:83/KLĐG ngày 07/7/2011 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: Xe ô tô biển số 47T-7881, hiệu Toyota Innova sản xuất năm 2006 đã qua sử dụng, có giá trị 425.000.000đ.

Bản kết luận định giá tài sản số:2205/KL-ĐGTS ngày 26/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Đắk Lắk kết luận: Xe ô tô biển số 47L-7881, nhãn hiệu Toyota Innova G chất lượng còn lại 73%, giá trị còn lại 356.000.000đ.

Bản kết luận định giá tài sản số:1574/KLĐG-STC ngày 28/10/2011 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Đắk Lắk kết luận: Xe ô tô biển số 47T-6996, nhãn hiệu Chevrolet- Captival chất lượng còn lại 74,5%, giá trị 425.000.000đ.

Bản kết luận định giá tài sản số: 114/KL-ĐG ngày 07/7/2011 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: Xe ô tô biển số 53S-3154, hiệu Ford Cub Wagon sản xuất năm 1994, đã qua sử dụng, có giá trị 110.000.000đ.

Tổng giá trị 04 chiếc xe ô tô nêu trên 1.316.000.000đ.

Bản cáo trạng số:93/CT-VKS ngày 10/12/2019 của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk, truy tố Nguyễn Đình H về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo khoản 4 Điều 175 BLHS năm 2015.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2020/HSST ngày 02 - 01 - 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Đình H 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 25/5/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 17/01/2020, người bị hại ông Dương Vũ H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 10/01/2020, bị cáo Nguyễn Đình H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ

thẩm, giảm cho bị cáo một phần hình phạt, vì có tình tiết mới, bị hại kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo, đã nhận lại tài sản.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo, vì bị hại đã nhận lại tài sản, đã bồi thường thêm 60.000.000 đồng cho người bị hại là gia đình ông Dương Vũ H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư, quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi và tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, chỉ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt. Người bị hại có kháng cáo, người đại diện của ông Dương Vũ H1 giữ nguyên đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Do động cơ vụ lợi, trong thời gian từ ngày 25/02/2011 đến tháng 6/2011, Nguyễn Đình H thuê xe ô tô biển số 47T-6996 của bà Vũ Thị M, thuê xe ô tô biển số 47L-7881 và xe ô tô biển số 47T- 7881 của ông Dương Vũ H1, thuê xe ô tô biển số 53S-3154 của ông Từ Huy H để sử dụng; Sau khi thuê được 04 chiếc xe ô tô nêu trên, H mang xe ô tô cầm cố cho người khác để vay tiền, rồi bỏ trốn để chiếm đoạt 04 chiếc xe nêu trên, có tổng giá trị 1.316.000.000đ.

Hành vi chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Đình H đã phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, với tình tiết định khung hình phạt là chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên, được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 BLHS năm 1999;

Khoản 4 Điều 140 BLHS năm 1999 quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

a, Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên

Tuy nhiên, khoản 4 Điều 175 BLHS năm 2015, có khung hình phạt nhẹ hơn khoản 4 Điều 140 BLHS năm 1999; Căn cứ khoản 3 Điều 7 BLHS, điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số:109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về việc áp dụng pháp luật có lợi cho người phạm tội, nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 4 Điều 175 BLHS năm 2015 để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Đình H, về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo và kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo của người bị hại Dương Vũ H1 , thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Đình H gây ra là rất nghiêm trọng, đã gây tác hại xấu về nhiều mặt cho xã hội. Do động cơ vụ lợi, chỉ trong vòng một thời gian ngắn,

Nguyễn Đình H đã nhiều lần thực hiện hành vi thuê được xe ô tô của bà Vũ Thị M, ông Dương Vũ H1 và ông Từ Huy H để sử dụng; Sau đó, bị cáo mang xe ô tô cầm cố cho người khác để vay tiền, rồi bỏ trốn để chiếm đoạt 04 chiếc xe ô tô đã thuê; Hành vi phạm tội của bị cáo, không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản hợp pháp của nhiều người, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Nguyễn Đình H, như: đầu thú, thành khẩn khai báo và tác động với gia đình tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; Bố của bị cáo là liệt sỹ; Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bản án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên, trong giai đoạn phúc thẩm người bị hại kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo vì đã nhận lại tài sản, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của ông Dương Vũ H1 khẳng định đã nhận lại tài sản và đã nhận thêm 60.000.000 đồng từ phía gia đình bị cáo; tại đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt của ông Dương Vũ H1, đề ngày 08/01/2020, ông H1 đề nghị: “ Nhận thấy hành vi và nhận thức của ông H là thành khẩn, không nhất thiết phải trừng trị trước pháp luật hơn nữa việc gây nguy hại cho tôi là người bị hại cũng đã được khắc phục,... tôi làm đơn này kính đề nghị Quý các cơ quan tiến hành việc đình chỉ điều tra truy tố, xét xử, giảm nhẹ hình phạt đối với ông H trong vụ án nêu trên”

Như vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới và Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc khoan hồng được quy định tại Điều 3 Bộ luật hình sự để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Từ những vấn đề phân tích và lập luận trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người bị hại là có cơ sở cần chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của Luật sư và quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135; 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình H và kháng cáo của bị hại Dương Vũ H1, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Đình H 12 (mười hai) năm tù, về tội “ Lạm dụng tín

nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 25/5/2019.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình H không phải chịu tiền án phí phúc thẩm hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Cường